

Bản án số: 17/2021/DS-ST

Ngày: 13-7-2021

V/v “*Tranh chấp
chia di sản thừa kế*”

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- *Với tHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị V

* *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Lâm Giang

2. Ông Nguyễn Văn Kiểm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Nam- Thư ký Toà án nhân dân huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T Yên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim OA- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09, 12, 13 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2019/TLST- DS ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc “TrA chấp chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST- DS ngày 29 tháng 01 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian tiếp tục phiên tòa số 05/2021/TB-TA ngày 22/02/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 13/2021/QĐST-DS ngày 31/3/2021; Thông báo thay đổi thời gian tiếp tục phiên tòa số 11/2021/TB-TA ngày 29/4/2021; Thông báo thay đổi thời gian tiếp tục phiên tòa số 25/2021/TB-TA ngày 17/5/2021; Thông báo thay đổi thời gian tiếp tục phiên tòa số 40/2021/TB-TA ngày 11/6/2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Phùng Thị T, sinh năm 1961 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Cầu Thượng, thị trấn Nhã Nam, huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang

Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T: Luật sư Giáp T T- Văn phòng luật sư Phạm Xuân A (nay là Công ty luật TNHH GTT.VN)- Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt khi xét xử vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: Số 25, Đào Sỹ tích 4, phường Ngô Quyền, tHnh phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

* *Bị đơn:* Ông Phùng Minh N, sinh năm 1972 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Cầu Thượng, thị trấn Nhã Nam, huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Phùng Minh C, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Bãi Ban, thị trấn Nhã Nam, huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang

- Ông Phùng Minh H, sinh năm 1952 (có mặt)

Nơi cư trú: Số nH 88, đường Võ Nguyên Giáp, thôn Mỹ Cầu, xã T Mỹ, tHnh phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;

- Bà Phùng Thị T, sinh năm 1955 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố T Hòa, thị trấn Nhã Nam, huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang

- Ông Phùng Minh D, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Cầu Thượng, thị trấn Nhã Nam, huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang

- Ông Phùng Bắc H, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Cầu Thượng, thị trấn Nhã Nam, huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang

- Ông Phùng Minh T , sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nH 13, Ngõ 311, đường Đằng H, quận H An, tHnh phố H Phòng, H Phòng.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

- A Phùng Minh T, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Đều cư trú: Tổ dân phố Cầu Thượng, thị trấn Nhã Nam, huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang.

- UBND thị trấn Nhã Nam, huyện T Yên do bà Phạm Thị Liên P- Công chức địa chính xây dựng thị trấn đại diện theo ủy quyền (có mặt khi xét xử vắng mặt khi tuyên án)

- UBND huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang do ông Trần T A- Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện đại diện theo ủy quyền (có mặt khi xét xử vắng mặt khi tuyên án).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:** Ông Phùng Minh H, sinh năm 1952 (có mặt)

Nơi cư trú: Số nH 88, đường Võ Nguyên Giáp, thôn Mỹ Cầu, xã T Mỹ, tHnh phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

*** Người làm chứng:**

- Ông Vũ Xuân H, sinh năm 1940 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm Quăn, xã T Đức, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1947 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố Cầu Thượng, thị trấn Nhã Nam, huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang.

Hiện ở: Số nH 67-69, đường T Ninh, phường Trần Phú, tHnh phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Phạm Sơn H, sinh năm 1958 (vắng mặt)
- Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1956 (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1951 (vắng mặt)
- Ông Vũ Quốc B, sinh năm 1960 (vắng mặt)
- Bà Nguyễn Thị V- Bí thư chi bộ Tổ dân phố Cầu Thượng (vắng mặt)

Đều cư trú: Tổ dân phố Cầu Thượng, thị trấn Nhã Nam, huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 14 tháng 01 năm 2019, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Phùng Thị T trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 652, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.004,3m² của bố bà là cụ Phùng Duy Kham, mẹ là cụ Đoàn Thị THnh . Bố mẹ bà sinh được 08 người con gồm: Phùng Minh C, Phùng Minh H, Phùng Thị T, Phùng Minh D, bà, Phùng Bắc H, Phùng Minh N, Phùng Minh T. Hiện nay bố mẹ bà đã chết, bố chết năm 2018, mẹ chết năm 2007. Về nguồn gốc Thửa đất trên là của bố mẹ do bố mẹ bà kể lại mua của xưởng cơ khí nhỏ. Sau đó họ chuyển đi bà không nắm được tên tuổi địa chỉ cụ thể của người bán đất đó cho bố mẹ bà. Bà sinh sống từ khi sinh ra đến năm 1982 lấy chồng về ở nhà chồng không còn sinh sống trên đất đó. Thời điểm ở cùng bố mẹ bà công trình gồm có nhà 05 gian bằng gỗ xoan xây dựng năm 1974 diện tích 50m², 01 nhà mái đổ bê tông 01 tầng, diện tích 45m² đều đã xây dựng trên 20 năm. Những năm đó chưa có tường bao, chỉ có tường bao là rễ tre, cây cối lâm lộc trên đất thì không có gì. Thửa đất trên của bố mẹ bà đã sử dụng từ những năm 1950, T bố các A chị em bà chung sống với bố mẹ, đến khi học xong cấp 2 thì ông D, ông H đi làm công nhân ở H Nội. Khi ông C, bà T, ông H lập gia đình đều ra ở riêng. Năm 1982 bố bà mở cửa Hng sửa chữa xe đạp trên thửa đất này. Khoảng cuối năm 1982 thì bà đi lấy chồng ở thôn Chính Lễ, xã L Giới. Tuy nhiên do các A chị em người đi học, người đi làm xa, người có gia đình riêng nên vợ chồng bà đã về phụ giúp bố mẹ làm ruộng và kinh doanh của Hng. Đến năm 1996, ông H ra ở riêng thì ông N đi công nhân về thay ông H giúp đỡ bố mẹ kinh doanh. Sau đó ông N lấy vợ năm 2003 thì ở cùng bố mẹ bà trên thửa đất này.

Năm 2007 mẹ bà chết thì bố bà vẫn tiếp tục ở với vợ chồng ông N. Năm 2012 thì ông D về ở cùng bố bà trên thửa đất trên. Năm 2017 bà đón bố bà ở cùng vợ chồng bà lý do là do vợ chồng ông N đối xử không tốt với cụ Kham. Cuối năm 2017 bố bà viết di chúc, lên UBND xã họ không công chứng, bố bà yêu cầu chia cho các con ngay nhưng xã cũng không giúp đỡ. Sau đó bố bà có triệu tập họp gia đình 02-3 lần nhưng không thành. Ngày 01/3/2018 bố bà viết tiếp di chúc, lý do ông N không trả giấy tờ, nội dung di chúc: Cuối năm 2016 ông N, ông H tự soạn 01 bản di chúc đưa bố bà xuống phòng công chứng ở Bắc Giang công chứng B bố bà ký và điểm chỉ vào bản di chúc đó. Nội dung phân đất của bố bà cho ông N và con T của ông N. Làm xong thủ tục đó, ông N cầm hết các giấy tờ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó vợ chồng ông N ngược đãi bố bà. Bố bà phải đi viện, về khỏe mạnh thì bố bà viết di ngày 01/3/2018 với nội dung: chia đều cho 8 người con, 01 phần của bố bà để cho bà nuôi dưỡng đến khi bố bà mất. Lúc viết di chúc bố bà có đọc cho ông

Vũ Xuân H người Thái Nguyên viết hộ, bố bà ký và điểm chỉ, sau đó có 06 người làm chứng ký vào. Lúc viết di chúc ở nh ông H có mặt vợ ch bà và cháu bà, bản di chúc này có phần lưu ý rất quan trọng là nếu trả giấy tờ thì cho ông H, ông N nếu không trả giấy tờ thì phần đó làm thờ cúng họ Phùng. Lúc bố bà viết bản di chúc cho bà ngày 01/3/2018 dương lịch tức ngày 14/01/2018 âm lịch, chữ viết trong bản di chúc là do bố bà đọc cho ông Vũ Xuân H ở T Đức, Phú Bình, Thái Nguyên viết hộ, T bộ nội dung bản di chúc là ý chí của bố bà, ông H viết hộ xong thì đọc lại cho bố bà nghe và bố bà nhất trí, lúc đọc viết bản di chúc là bố bà hoàn T minh mẫn. Tại thời điểm viết bản di chúc có mặt bố bà, ông Vũ Xuân H, bà và con T bà. Sau đó có mang về cho ông Phạm Ngọc T; bà Trần Thị L; ông Nguyễn Bá T; ông Vũ Quốc B ký xác nhận tại nh bà. Còn bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Sơn H thì bố bà mang di chúc lên nh nhờ ký làm người làm chứng vào bản di chúc trên. Bà khẳng định chữ ký Kham và Phùng Duy Kham và điểm chỉ trong bản di chúc là chữ ký và điểm chỉ của bố bà và T bộ chữ viết, chữ ký của ông Vũ Xuân H, ông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Bá T, ông Phạm Sơn H, ông Vũ Quốc B trong bản di chúc ký người làm chứng là chữ ký, chữ viết của những người trên.

Năm 2018 bố bà chết, có để lại di sản gồm: Thửa đất số 652, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.004,3m² ở thôn Cầu Thượng (nay là tổ dân phố Cầu Thượng), xã Nhã Nam (nay là thị trấn Nhã Nam), công trình trên đất là 01 nh năm gian cấp 4 làm bằng gỗ xoan lợp ngói da năm 1974, 01 nh trần xây gạch một tầng chống nóng làm khoảng năm 1990, 01 bếp làm xây gạch đồ trần năm bao nhiêu bà không nhớ, khoảng giữa nh 05 gian và nh trần có làm thêm nh bả mái tôn, cửa Hng và các đồ dùng của cửa Hng từ năm 1982. Cây cối gồm: 4-5 cây sưa trồng khoảng năm 2006-2007, 01 cây nhãn to trồng năm bao nhiêu không nhớ và một số cây ăn quả nhỏ. Hiện tại các tài sản trên đất gồm có bà đã kê khai trên, ông N tiếp quản cửa Hng trông coi và làm, ông N có làm chống nóng đối với nh trần, ông N chỉ ở cùng và làm trên đất đó chứ T bộ tài sản trên đất là do bố mẹ bà để lại. Ngoài ra bố mẹ bà không để lại di sản nào khác. Bố mẹ bà cũng không để lại khoản nợ hoặc nghĩa vụ về tài sản nào chưa thA toán.

Ông N lấy vợ khoảng sau năm 1996, trên đất hiện tại có vợ ch ông N sinh sống, ông Phùng Minh D ở, vợ ông N là Nguyễn Thị H và hai con là Phùng Minh T, Phùng Nguyệt Hằng. T bộ đất, công trình tài sản trên đất, cây cối là di sản của bố mẹ bà để lại, ông N chỉ là người ở trông coi đất và tiếp quản các công trình tài sản trên đất, cây cối của bố mẹ bà trước khi chết để lại, chỉ có công sức đóng góp là lợp chống nóng đối với nh trần.

Mẹ bà chết tiền mai táng phí của mẹ bà thì do ông N lo, bố bà mất tiền lo mai táng phí do các A em cùng lo, tiền của ai sau đó thì cầm lại, còn tiền bà thì bỏ ra lo cho bố, bà không lấy về, số tiền bà không biết là bao nhiêu. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về chi phí mai táng cho bố mẹ vì khi bố mẹ bà mất, lúc bố bà sống thì bố bà đứng ra lo, sau bố bà mất thì lấy tiền của bà ra lo. Bà chỉ có công sức đóng góp vào việc xây dựng nh và các công trình trên đất do bố mẹ bà xây dựng, chứ không có tiền góp cùng bố mẹ bà xây dựng các công trình trên. Bố bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 đối với diện tích đất thửa đất số

652, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.004,3m² ở thôn Cầu Thượng (nay tổ dân phố Cầu thượng), xã Nhã Nam (nay là thị trấn Nhã Nam), huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận năm 2003 thì có bố mẹ bà, vợ chồng con cái ông N, ngoài ra không có ai khác. Theo bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2003 ghi cấp cho hộ Phùng Dung Kham là chỉ cấp cho một mình bố bà chứ không phải cấp cho hộ.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế do bố mẹ bà để lại là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 652, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.004,3m² ở thôn Cầu Thượng (nay là tổ dân phố Cầu Thượng), xã Nhã Nam (nay là thị trấn Nhã Nam), huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang bà đồng ý chia thừa kế của mẹ bà để lại theo pháp luật. Bà yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật (bằng đất) và công nhận di chúc bố bà viết cho bà năm 2018 là di chúc hợp pháp và đề nghị phần di sản của bố bà để lại đề nghị chia theo di chúc. Ngoài ra, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về các công trình tài sản, cây cối trên đất và các di sản khác của bố mẹ bà.

Tại phiên tòa bà Phùng Thị T có mặt trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nội dung nêu như ở trên, tại phiên tòa bà T xuất trình 02 bản di chúc gốc đề ngày 13/11/2017; ngày 01/3/2018 và bà đề nghị công nhận cả hai di chúc này, phân chia di sản của cụ THnh theo quy định của pháp luật, còn của cụ Kham đề nghị công nhận di chúc và chia theo di chúc. Bà nhất trí với kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất hiện nay, bà chỉ đề nghị được chia bằng đất, bà không đề nghị chia các di sản công trình trên đất và các di sản khác của bố mẹ bà. Ngoài ra bà không có đề nghị gì khác.

** Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Phùng Minh N có trình bày:*

Bố mẹ ông là cụ Phùng Duy Kham và cụ Đoàn Thị THnh sinh được 08 người con gồm: C, H, T, D, T, H, ông, T. Ngoài 8 người con đẻ kể trên thì bố mẹ ông không có người con đẻ, con nuôi nào khác. Bố ông đã chết ngày 04/3/2018, mẹ ông chết ngày 03/12/2007. Bố mẹ ông chết đi cũng không để lại khoản nợ nào chưa trả toán. Về nguồn gốc đất thì theo bố mẹ ông kể lại ban đầu là đất công của xưởng đúc gang (thuộc liên hiệp công đoàn Yên T cũ). Bố mẹ ông mua lại dãy nhà cấp bốn của xưởng đúc gang từ năm 1956. Sau đó xưởng giải thể và chuyển đi hết ông không nắm được tên tuổi địa chỉ cụ thể của người bán đất đó cho bố mẹ ông. Ông sinh sống cùng bố mẹ từ khi sinh ra cho đến nay, năm 2002 thì ông lấy vợ là bà Nguyễn Thị H, sau đó sinh được hai người con là Phùng Minh T, sinh năm 2003, Phùng Nguyệt Hằng, sinh năm 2009.

Quá trình sinh sống trên đất các A chị được bố mẹ nuôi từ bé cho A học, đến trước năm 1980, ông C, ông H, bà T, ông D ra ở riêng hết. Sau năm 1982 thì bà T, ông H lấy vợ, chồng cũng ra ở riêng. Quá trình sinh sống trên đất các A chị không có ai có công sức đóng góp gì đối với công trình tài sản trên đất của bố mẹ ông.

Tài sản của bố mẹ ông để lại là một ngôi nhà 05 gian, ngoài ra không có gì khác. Quá trình sinh sống trên đất ông tạo lập được các tài sản như: Tường bao xung quanh nhà làm năm 1993, làm nhà trần 01 tầng năm 1993, năm 2002 lấy vợ làm tiếp tầng 2 nhà trần kéo dài hết đất tới công trình phụ, 01 nhà mái tôn sắt sau và trước, kho chứa hàng trước nhà trần, mái tôn sân (bây giờ ông đã sửa chữa lại), sau

này làm sân kéo dài đến cổng, trụ cổng, cổng, sân gạch lá nem, tường hoa, sửa chữa lại nH năm gian gồm nâng nền, lát gạch, ốp gạch, trát lại quét ve. Ngoài ra, không còn có công trình gì khác.

Các cây cối lâm lộc trên đất là T bộ do ông tạo lập gồm: 02 cây roi, 01 cây nhãn ở cổng, một số cây nhãn ở sau vườn, 02 cây vú sữa, 01 cây sấu to, 05 cây vải, 03 cây gỗ sưa, 01 cây soài, 02 cây xoan, 02 cây khế, 02 cây mít nhỏ, 06 cây bưởi, 02 cây táo, 04 cây ổi, 06 gốc đình lăng.

Năm 2007 mẹ ông chết đột ngột, không để lại di chúc. Mẹ ông chết thì bố ông vẫn tiếp tục ở với vợ CH ông. Khi còn sống bố ông có viết 01 bản di chúc lập ngày 09/3/2017 tại Văn phòng công chứng Đ&T, việc lập di chúc tại Văn phòng công chứng Đ & T của bố ông cho ông là hoàn T tự nguyện, thể hiện ý trí của bố ông và bố ông ký tên điểm chỉ trước mặt công chứng viên, trước đó không viết một bản di chúc nào khác. Sau đó bố ông cũng không viết bản di chúc nào khác, chỉ khi bà T khởi kiện ông đề nghị chia di sản thừa kế thì ông mới biết là bố ông có viết bản di chúc cho bà T, theo ông bản di chúc mà bố ông đã viết cho ông là hợp pháp vì lúc viết di chúc cho ông bố ông là hoàn T minh mẫn và được Văn phòng công chứng thực di chúc, còn di chúc của bà T bằng văn bản có người làm chứng nhưng người làm chứng không ký văn bản trực tiếp và không có mặt tại thời điểm viết di chúc. Việc có chữ ký của những người làm chứng đó là do bà T nhờ viết và ký, ngay cả chữ ký trong văn bản là do bà T nhờ viết xong mang về cho bố ông ký.

Bản di chúc ngày 09/3/2017 có nội dung chính là bố ông để lại cho ông hưởng phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của cá nhân bố ông tại thửa đất 652 nêu trên bao gồm 1/5 quyền sử dụng đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ gia đình bố ông ngày 02/10/2003 và 1/9 trong phần được hưởng thừa kế từ mẹ ông để lại. Lý do bố ông viết di chúc này là vì: Trước đó bố ông có họp gia đình để phân chia đất, tại cuộc họp bố ông nói đất của bố mẹ có trị giá 2 tỷ đồng, chia đều cho 8 người con mỗi người được hưởng 250 triệu đồng, trong các con ai trả được tiền đất cho các A chị em khác thì được sử dụng T bộ đất. Tuy nhiên các A chị em ông không thống nhất được về giá trị đất và cách phân chia nên bố ông đã tự mình đi làm di chúc cho ông. Trong suốt quá trình bố ông sống cùng vợ CH ông không hề có việc vợ CH ông có Hnh vi Hnh hạ, ngược đãi hoặc xâm phạm dA dự, nhân phẩm bố ông. Bố ông không có thời gian sinh sống với bà T, chỉ có việc bà T dẫn lên dẫn xuống đi lại nH bà T, bố ông không ở với bà T thời gian nào. Việc bà T trình bày vợ CH ông đối xử không tốt với bố ông là không có căn cứ. Bố ông có lương riêng, không phụ thuộc các con, bố ông cũng có di chúc để lại tài sản cho ông nên ông không có căn cứ gì để đối xử không tốt với bố ông cả. Những năm cuối đời bố ông sức khỏe yếu nên pH đi bệnh viện là hoàn T do ông chăm sóc.

Về di chúc ngày 01/3/2018 viết cho bà T: Khi bố ông lập di chúc này thì ông không biết và không được chứng kiến, bố ông cũng không nói gì với ai về việc di chúc cho bà T, đến khi bà T khởi kiện thì ông mới biết có di chúc bố ông viết cho bà T. Theo ông bản di chúc này không hợp pháp, lý do vì: Di chúc không ghi rõ di sản thừa kế là thửa đất nào, được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào;

bản di chúc do ông H viết hộ nhưng không có xác nhận của bố ông là đã nghe đọc lại hoặc xác nhận ghi đúng như lời kể của bố ông; 02 dấu điểm chỉ cuối di chúc không ghi là dấu tay nào, cũng không đủ sự tin cậy là dấu V tay; người lập di chúc đã ký trước rồi mới đưa cho từng người làm chứng ký, trong đó vài người ký tại nH riêng mà không có mặt những người làm chứng khác; những người làm chứng cũng không xác nhận chữ ký của người lập di chúc; chữ viết của ông H ở cuối di chúc cũng không được viết cùng thời điểm với những người làm chứng khác nhưng lại ghi cùng ngày lập di chúc.

Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Hộ gia đình bố ông do bố ông là chủ hộ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 2003 đối với diện tích đất thửa đất số 652 tờ bản đồ số 10 diện tích 1.004,3m² ở thôn Cầu Thượng (nay tổ dân phố Cầu Thượng), xã Nhã Nam (nay là thị trấn Nhã Nam), huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận năm 2003 thì trên thực tế có bố mẹ ông, ông, vợ ông là bà H và các con ông, ngoài ra không có ai khác. Thời điểm đó trên hộ khẩu gia đình thì chưa có tên bà H nhưng vẫn còn tên ông T.

Hiện nay trên diện tích đất đang trA chấp có vợ cH ông, các con T, Hằng và ông D cùng sinh sống (hộ khẩu thường trú của ông D vẫn ở H Nội). Ông D hiện bị bệnh nên đầu óc đôi lúc không được minh mẫn, ông D có vợ nhưng đã ly hôn ở địa chỉ nào thì ông không biết.

Việc bố mẹ ông chết thì phần tiền lo mai táng phí cho mẹ ông là do ông lo, còn bố ông chết thì do các A chị em cùng lo mai táng phí, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về chi phí mai táng cho bố, mẹ ông.

Nay bà T khởi kiện chia thừa kế thì đồng ý với một phần yêu cầu khởi kiện về việc phân chia di sản thừa kế do mẹ ông để lại tại thửa đất số 652 tờ bản đồ số 10 diện tích 1.004,3m². Đối với yêu cầu chia phần di sản thừa kế mà bố ông để lại: Ông không đồng ý chia phần di sản của bố ông theo di chúc ngày 01/3/2018 mà bà T cung cấp vì di chúc này không hợp pháp như ông đã trình bày. Ông yêu cầu Tòa án không công nhận di chúc ngày 01/3/2018 và giải quyết chia phần di sản thừa kế của bố ông theo di chúc lập ngày 09/3/2017 tại Văn phòng công chứng Đ&T. Ông không yêu cầu chia thừa kế đối với các tài sản gắn liền trên đất do bố mẹ ông để lại. Ông đề nghị Tòa án chia cho ông phần di sản bằng hiện vật. Nếu chia cho ông di sản bằng đất thì ông đề nghị được nhận phần đất có công trình trên đất do ông đã tạo lập được trên đất. T bộ phần di sản mà các A chị em ông được hưởng giao cho ông được sở hữu, sử dụng và không yêu cầu ông pH trích trả giá trị bằng tiền cho các A chị em thì ông đồng ý nhận. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa ông Phùng Minh N có mặt trình bày: Ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà T, đề nghị hủy bỏ di chúc của bà T vì không đúng theo quy định pháp luật, ông đề nghị công nhận di chúc ngày 9/3/2017 viết cho ông tại Văn phòng công chứng Đ \$ T là hợp pháp. Đề nghị phần di sản của cụ THnh để lại chia theo pháp luật, phần của cụ Kham để lại đề nghị chia theo di chúc. Ông nhất trí với kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất hiện nay, ông không có đề nghị xem xét

trích chia công sức B quản di sản thừa kế của các cụ để lại và không đề nghị giải quyết nội dung gì khác.

** Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Phùng Minh H có ý kiến trình bày:*

Bố mẹ ông là cụ Phùng Duy Kham và cụ Đoàn Thị THnh sinh được 08 người con. Ngoài ra bố mẹ ông không có con đẻ, con nuôi nào khác. Bố ông đã chết ngày 04/3/2018, mẹ ông chết ngày 03/12/2007. Bố mẹ ông chết đi cũng không để lại khoản nợ nào chưa thA toán. Về nguồn gốc thửa đất có nguồn gốc theo bố mẹ ông kể lại ban đầu là đất công của xưởng đúc gang. Bố mẹ ông mua lại dãy NH cấp bốn của xưởng đúc gang từ năm 1956. Sau đó xưởng giải thể và chuyển đi hết ông không nắm được tên tuổi địa chỉ cụ thể của người bán đất đó cho bố mẹ ông.

Ông sinh sống cùng bố mẹ từ khi sinh ra đến năm 1971 thì đi bộ đội, năm 1976 ông phục viên về địa P ở cùng bố, mẹ. Đến năm 1978 ông chuyển ngành và đi học ở H Đông 02 năm, năm 1980 ông về công tác và sinh sống ở tHnh phố Bắc Giang cho đến nay. Năm 1974 bố mẹ ông làm 5 gian NH ngói gỗ xoan và NH ngang trên đất của bố mẹ, khoảng năm 1982 do NH nước mở rộng đường giao thông nên bố mẹ ông có dời NH 5 gian lui vào trong 4 mét. Khoảng năm 1983 bố mẹ ông làm NH mái bằng diện tích khoảng hơn 40m² ở bên pH NH 5 gian. Khi bố mẹ ông mua đất và làm các công trình trên đất thì các A chị em ông đều không ai đóng góp gì vào tiền mua đất và làm NH, chỉ đóng góp công sức nhưng không đáng kể. Cả 08 A chị em ông đều chung sống với bố mẹ từ nhỏ. Ông C đi bộ đội năm 1968 đến năm 1975 về phục viên ở cùng bố mẹ, khoảng năm 1976 - 1977 ông C lấy vợ ra ở riêng cho đến nay. Bà T đi lấy cH ra ở riêng trước năm 1975. Ông D đi học công nhân năm 1979 sau đó lấy vợ và sống ở H Nội, đến năm 2015 - 2016 do ông D bị bệnh trầm cảm nên ông và ông N đã đón ông D về ở cùng gia đình ông N cho đến nay. Ông H lấy vợ năm 1985 - 1986 rồi ở riêng trên đất khác cạnh đất bố mẹ ông. Ông N ở cùng bố mẹ ông trên đất của bố mẹ từ nhỏ cho đến nay. Bà T lấy cH năm nào ông không nhớ, chỉ nhớ là sau khi lấy cH thì bà T ở NH cH, không ở cùng bố mẹ ông mà chỉ thỉnh thoảng xuống giúp ông N trông coi cửa Hng sửa chữa xe đạp (chỉ trông coi trong ngày rồi lại về). Ông T đi học xa từ năm 1996 đến năm 2002 - 2003, trong thời gian này ông T không trực tiếp ở cùng bố mẹ ông nhưng vẫn có tên trong hộ khẩu gia đình, năm 2004 ông T đi làm ở Lạng Sơn rồi về H Phòng công tác và sinh sống cho đến nay. Ông N kết hôn với bà Nguyễn Thị H năm 2002, bà H về chung sống với ông N và bố mẹ ông từ năm 2002 nhưng đến năm 2005 mới chuyển hộ khẩu về. Năm 2007 mẹ ông chết đột ngột, không để lại di chúc. Sau khi mẹ ông chết thì bố ông vẫn tiếp tục ở với vợ cH ông N.

Khi còn sống bố ông có vài lần viết di chúc, ông cũng không biết chính xác là bao nhiêu lần, trong đó có 01 bản di chúc lập ngày 09/3/2017 dương lịch tại Văn phòng công chứng Đ&T. Thời điểm bố ông lập di chúc này thì bố ông đi một mình, không nói với các con, sau này bố ông có lần nói cho ông nhưng gần đây ông mới nhớ ra. Ông nộp cho Tòa án bản sao di chúc do bố ông lập ngày 09/3/2017 dương lịch mà ông mới thu thập tại Văn phòng công chứng Đ&T vào ngày 21/4/2020 để Tòa án xem xét. Đây chính là bản di chúc mà bà T trình bày là do ông và ông N

đưa bố ông đi làm. Ông khẳng định bản di chúc này do bố ông tự đi làm theo ý chỉ của bố ông, ông và ông N không đi cùng và không tác động gì đến việc định đoạt di sản cũng như việc ký tên, điểm chỉ của bố ông trong di chúc. Bản di chúc ngày 09/3/2017 có nội dung chính là bố ông để lại cho ông Phùng Minh N hưởng phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của cá nhân bố ông tại thửa đất 652 nêu trên bao gồm 1/5 quyền sử dụng đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ gia đình bố ông ngày 02/10/2003 và 1/9 trong phần được hưởng thừa kế từ mẹ ông để lại. Lý do bố ông viết di chúc này là vì: Trước đó bố ông có họp gia đình để phân chia đất, tại cuộc họp bố ông nói đất của bố mẹ có trị giá 2 tỷ đồng, chia đều cho 8 người con mỗi người được hưởng 250 triệu đồng, trong các con ai trả được tiền đất cho các A chị em khác thì được sử dụng T bộ đất. Tuy nhiên các A chị em ông không thống nhất được về giá trị đất và cách phân chia nên bố ông đã tự mình đi làm di chúc. Trong suốt quá trình bố ông sống cùng gia đình ông N thì ông được biết vợ chồng con cái ông N không hề có Hnh vi Hnh hạ, ngược đãi hoặc xâm phạm danh dự, nhân phẩm bố ông. Bố ông chỉ có thời gian khoảng 01 tháng (ông không nhớ chính xác) vào trước tết âm lịch năm 2019 sang ở với vợ chồng bà T, T bộ thời gian còn lại đều ở cùng vợ chồng ông N. Theo ông có thể thời gian đó ông D bị trầm cảm, đầu óc không minh mẫn, nhiều khi không làm chủ được Hnh vi nên bố ông sợ, phải lánh tạm sang nhà bà T. Việc bà T trình bày vợ chồng ông N đối xử không tốt với bố ông là không có căn cứ. Bố ông có lương riêng, không phụ thuộc các con, bố ông cũng có di chúc để lại tài sản cho ông N nên vợ chồng ông N không có căn cứ gì để đối xử không tốt với bố ông. Những năm cuối đời bố ông sức khỏe yếu nên việc phải đi bệnh viện là không tránh khỏi.

Về di chúc ngày 01/3/2018: Khi bố ông lập di chúc này thì ông không biết và không được chứng kiến, bố ông cũng không nói gì với ông và các A chị em ông, thời gian sau khi bà T khởi kiện, ông C cung cấp di chúc này cho ông thì mới biết. Theo ông bản di chúc này không hợp pháp, lý do vì: Di chúc không ghi rõ di sản thừa kế là thửa đất nào, được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào; bản di chúc do ông H viết hộ nhưng không có xác nhận của bố ông là đã nghe đọc lại hoặc xác nhận ghi đúng như lời kể của bố ông; 02 dấu điểm chỉ cuối di chúc không ghi là dấu tay nào, cũng không đủ sự tin cậy là dấu V tay; người lập di chúc đã ký trước rồi mới đưa cho từng người làm chứng ký, trong đó vài người ký tại nhà riêng mà không có mặt những người làm chứng khác; những người làm chứng cũng không xác nhận chữ ký của người lập di chúc; chữ viết của ông H ở cuối di chúc cũng không được viết cùng thời điểm với những người làm chứng khác nhưng lại ghi cùng ngày lập di chúc.

Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Hộ gia đình bố ông do bố ông là chủ hộ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 2003 đối với diện tích đất thửa đất số 652 tờ bản đồ số 10 diện tích 1.004,3m². Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận năm 2003 thì trên thực tế có bố mẹ ông, ông N, vợ ông N là bà H và con của ông N là Phùng Minh T cùng sinh sống, ngoài ra không có ai khác. Thời điểm đó trên hộ khẩu gia đình thì chưa có tên bà H nhưng vẫn còn tên ông T.

Hiện nay trên diện tích đất đang trA chấp có vợ chồng ông N, các con ông N là T, Hằng và ông D cùng sinh sống (hộ khẩu thường trú của ông D vẫn ở H Nội). Ông D hiện bị bệnh nên đầu óc đôi lúc không được minh mẫn, ông D có vợ nhưng đã ly hôn, có 02 con gái nhưng hiện ở địa chỉ nào thì ông không biết. Các tài sản trên đất đang trA chấp hiện nay gồm: NH 5 gian và NH trần mái bằng do bố mẹ ông làm hiện vẫn còn, tường bao bằng cây xi than do ông và ông H cùng làm năm 1986, các tài sản do vợ chồng ông N kiến thiết gồm: tầng 2 chống nóng của NH trần lợp ốp nan, NH bếp đồ trần lợp ốp nan, sân gạch, tường ngăn với vườn, trụ cổng, cánh cổng inox. Cây cối gồm 03 cây sưa do ông trồng, ngoài ra còn một số cây cối nhưng giá trị không đáng kể.

Bà T khởi kiện chia thừa kế ông đồng ý với một phần yêu cầu khởi kiện về việc phân chia di sản thừa kế do mẹ ông để lại tại thửa đất số 652 tờ bản đồ số 10 diện tích 1.004,3m² theo pháp luật. Đối với yêu cầu chia phần di sản thừa kế mà bố ông để lại: Ông không đồng ý chia phần di sản của bố ông theo di chúc ngày 01/3/2018 mà bà T cung cấp vì di chúc này không hợp pháp như ông đã trình bày. Ông yêu cầu Tòa án không công nhận di chúc ngày 01/3/2018 và giải quyết chia phần di sản thừa kế của bố ông theo di chúc lập ngày 09/3/2017 tại Văn phòng công chứng Đ&T. Ông không yêu cầu chia thừa kế đối với các tài sản gắn liền trên đất do bố mẹ ông để lại. Tòa án chia cho ông phần di sản bằng tiền hay bằng hiện vật ông đều nhất trí. Nếu chia cho ông di sản bằng đất thì ông đề nghị được nhận phần đất có công trình trên đất. T bộ phận di sản mà ông được hưởng ông giao cho ông N được quyền sở hữu, sử dụng và không yêu cầu ông N phải trích trả giá trị bằng tiền cho ông. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về chi phí mai táng cho bố, mẹ ông.

Tại phiên tòa ông Phùng Minh H có mặt trình bày: Ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà T đề nghị chia theo di chúc ngày 13/11/2017, ngày 01/3/2018 mà bà T xuất trình bản gốc tại phiên tòa vì hai di chúc này viết không đúng quy định của pháp luật, ông nhất trí với di chúc lập tại Văn phòng công chứng Đ & T ngày 9/3/2017 vì phù hợp với ý trí, nguyện vọng của cụ Kham và đã được văn phòng công chứng chứng thực di chúc. Ông xác định nguồn gốc đất là của bố mẹ mua của xưởng đúc gang, năm 2003 hộ cụ Kham được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo luật đất đai. Về chia thừa kế di sản của cụ THnh đề nghị chia theo pháp luật, di sản của cụ Kham đề nghị không công nhận 02 di chúc bà T yêu cầu đề ngày 13/11/2017 và ngày 01/3/2018, công nhận di chúc ngày 9/3/2017 tại Văn phòng công chứng Đ & T và chia theo di chúc. Và phần di sản của ông được hưởng ông đề nghị nhận bằng hiện vật và ông đồng ý giao cho ông N có quyền sở hữu, quản lý phần của ông được hưởng thừa kế. Ông không yêu cầu ông N phải trích chia bằng tiền cho ông. Ông nhất trí với kết quả đo đạc hiện trạng của thửa đất hiện nay. Ngoài ra, ông không có đề nghị gì khác.

** Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị T trình bày:*

Bố mẹ bà là cụ Phùng Duy Kham, cụ Đoàn Thị THnh, bố mẹ sinh được 8 người con. Ngoài ra các cụ không có con đẻ con nuôi nào khác. Bố bà chết ngày

17/01/2018 âm lịch, mẹ chết ngày 03/02/2007, khi bố mẹ bà chết thì mẹ bà chết không để lại di chúc, bố chết có để lại di chúc nhưng di chúc viết năm nào, nội dung như T nào bà không nắm được. Khi bố mẹ bà chết không để lại khoản nợ nào thA toán cho các con.

Về nguồn gốc thửa đất có nguồn gốc là của bố mẹ bà. Quá trình sinh sống trên đất thì bà sống trên đất cùng bố mẹ bà từ khi sinh ra đến năm 1975 thì bà đi lấy chồng, sinh sống nơi khác. Các A chị em của bà cụ thể sinh sống trên đất từ thời điểm nào đến thời điểm nào thì bà không nhớ. Bà chỉ nhớ ông N là người ở cùng bố mẹ từ bé và quản lý sử dụng đất này cho đến nay.

Quá trình sinh sống cùng bố mẹ trên đất, bà có công sức đóng góp xây dựng nhà 5 gian, chứ không có tiền đóng góp công trình xây dựng này. Tài sản của bố mẹ khi chết để lại gồm: Thửa đất số 652, tờ bản đồ số 10, diện tích 1004,3m², nhà 05 gian, ngoài ra không có tài sản gì khác để lại. Các tài sản còn lại trên đất do em bà là ông N kiến thiết, năm 2002 ông N lấy vợ là Nguyễn Thị H thì bố mẹ cho ở riêng ở khu bên cạnh nhà 05 gian, vợ chồng ông N khi ở trên đất thì T bộ tài sản công trình và cây cối trên đất còn lại đều do ông N kiến thiết, xây dựng. Nhà 05 gian ông N có sửa chữa, còn sửa chữa thời điểm nào thì bà không nhớ.

Bản di chúc đề ngày 09/3/2017 lập tại Văn phòng công chứng Đ \$ T cho ông Phùng Minh N, tại thời điểm lập tại văn phòng công chứng thì bà không có mặt nên bà không nắm được nội dung. Nhưng trước khi lập di chúc cho ông N thì bố bà có nói với bà là bố muốn lập di chúc cho ông N. Thực tế bố bà không họp gia đình để họp bàn thống nhất việc lập di chúc cho ông N. Về bản di chúc đề ngày 01/3/2018 cho bà T, bà không biết và không nắm được nội dung như T nào.

Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: bố bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 thì lúc đó hộ gia đình bố bà gồm: Bố mẹ bà, ông N, ông T, con ông N là T. Ngoài ra không có ai khác. Hiện nay trên đất có vợ chồng ông N, 02 con của ông N. Ngoài ra không có ai khác.

Việc bố mẹ bà chết do ông N đứng ra lo và thA toán tiền mai táng phí cho bố mẹ bà, bà không lo tiền mai táng phí cho bố mẹ bà, bà không đề nghị Tòa án giải quyết về chi phí mai táng phí cho bố mẹ bà.

Quan điểm của bà về yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, bà đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Phần thừa kế của bà được hưởng bà đề nghị Tòa án chia cho bà bằng đất (hiện vật), T bộ phận di sản của bà được hưởng bà đồng ý giao cho ông N được quyền sở hữu, sử dụng. Bà không có yêu cầu độc lập gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa bà Phùng Thị T có mặt trình bày: Bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà T về đề nghị công nhận 02 di chúc, bà nhất trí đề nghị công nhận di chúc ngày 09/3/2017 tại Văn phòng công chứng Đ \$ T viết cho ông N và chia theo di chúc. Bà nhất trí với kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất hiện nay. Phần của bà được hưởng di sản thừa kế bà đề nghị được nhận bằng hiện vật, phần bà được hưởng bà nhất trí giao cho ông N quản lý, sử dụng, ông N không phải trích chia bằng tiền cho bà. Ngoài ra, bà không có đề nghị giải quyết nội dung gì khác.

** Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phùng Minh C trình bày:*

Về nguồn gốc thửa đất trA chấp chia thừa kế: Năm 7 tuổi, ông ra ở đó thì bố mẹ ông mua lại của xưởng đúc gang. Nguồn gốc thửa đất số 652 tờ bản đồ số 10 diện tích 1.004,3m² của bố mẹ ông, bố ông là ông Phùng Duy Kham, mẹ ông là Đoàn Thị THnh ở thôn Cầu Thượng, xã Nhã Nam. Bố mẹ ông sinh được 08 người con gồm: Ông, Phùng Minh H, Phùng Thị T, Phùng Minh D, Phùng Thị T, Phùng Bắc H, Phùng Minh N, Phùng Minh T. Hiện nay bố mẹ ông đã chết, bố ông chết năm 2018, mẹ ông chết năm 2007.

Về nguồn gốc đất: thửa đất số 652 tờ bản đồ số 10 diện tích 1.004,3m² của bố mẹ ông là do bố mẹ ông kể lại mua của xưởng đúc gang, ông đã được gặp người bán đó, tên là Kì, T nhưng địa chỉ cụ thể của ông Kì và ông T thì ông không nắm được. Ông sinh sống cùng bố mẹ ông trên đất này từ năm 7 tuổi đến năm 1968 thì ông đi bộ đội, đến năm 1976 ông về ở trên đất này khoảng vài năm thì ông đi lấy vợ và ra ở riêng, mua đất khác ở. Thời điểm ở cùng bố mẹ ông gồm có các tài sản: ba bốn gian nH giA, ngoài ra không có gì khác. Ông không có công sức đóng góp gì vì lúc đó ông còn nhỏ và sau đó ông đi bộ đội. Những năm đó chưa có tường bao, chỉ có tường bao là tre, cây cối lâm lộc trên đất thì không có gì.

Thửa đất trên của bố mẹ ông đã sử dụng từ năm 1956, ban đầu, T bộ các A chị em ông chung sống với bố mẹ, sau đó lần lượt lớn lên, đi lấy vợ, lấy cH và ra ở riêng. Chỉ có ông N, ông T ở trên đất này cùng bố mẹ lâu nhất. Sau đó ông N lấy vợ năm nào thì ông không nhớ, ở cùng bố mẹ ông trên thửa đất này.

Năm 2007 mẹ ông chết thì bố ông vẫn tiếp tục ở với vợ cH ông N ở trên đất này và có bà T thường xuyên đến chăm sóc, A em ông thì thỉnh thoảng về thăm bố. Trước khi có di chúc thì vợ cH ông N đối xử tốt với bố ông, sau khi làm di chúc thì vợ cH ông N đối xử không tốt với bố ông nữa. Vợ cH ông N đối xử không tốt với bố ông nên bà T mới đón bố ông về chăm sóc một thời gian, đến khi bố ông chết.

Cuối năm 2017 bố ông viết di chúc ông không biết, nhưng trước đó có họp gia đình, bà T có nói bốn A em không được chia đất là C, H, D, T vì lý do bất hiếu với bố mẹ, bà T nói như vậy tại cuộc họp nên cuộc họp hôm đó không tHnh, ngày tháng năm nào thì ông không nhớ. Bản di chúc bố ông viết cho bà T thì lúc bố ông viết di chúc thì ông không biết, sau này bố ông gọi xuống thì ông mới biết và ông có được xem nội dung bản di chúc trên. Ông có được đọc nội dung bản di chúc nhưng ông tôn trọng ý kiến của bố ông. Và sau đó thì không có cuộc họp gia đình nào nữa và cũng không có ai có ý kiến gì với ông nữa.

Hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn mang tên bố ông là cụ Phùng Duy Kham, cấp năm bao nhiêu thì ông không nhớ. Ông mong muốn được họp gia đình để hòa giải A em và đề nghị thực hiện theo ý nguyện của bố mẹ ông trước khi chết. Ông là A cả trong gia đình, ông chấp nhận di chúc của bố ông để lại. Ông có nguyện vọng họp gia đình để hòa giải, nếu không được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông Phùng Minh C vắng mặt.

** Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phùng Bắc H trình bày:*

Bố mẹ ông là cụ Phùng Duy Kham, mẹ là Đoàn Thị THnh. Bố mẹ sinh được 8 người con gồm: Phùng Minh C, Phùng Minh H, Phùng Thị T, Phùng Minh D, Phùng Thị T, ông, Phùng Minh N, Phùng Minh T. Ngoài ra bố mẹ không còn có con đẻ con nuôi nào khác. Bố ông chết ngày 04/3/2018, mẹ chết ngày 10/01/2008 tức ngày 03/12/2007 âm lịch. Khi mẹ ông chết không để lại di chúc, khi bố ông chết thì để lại di chúc cho em T ông là ông N di chúc được lập ngày 09/3/2017 tại Văn phòng công chứng Đ \$ T số 30, đường Nguyễn Văn Mẫn, Trần Phú, tHnh phố Bắc Giang. Về nguồn gốc thửa đất mà bà T đang khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 652, tờ bản đồ số 10, diện tích 1004,3m² nay đo đạc cụ thể là 1029,9m² là của bố mẹ ông để lại, khi bố mẹ ông chết không để lại khoản nợ nào cho các con. Về tiền mai táng phí là do em T ông là ông N thA toán vì T ông không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề mai táng phí của bố mẹ ông.

Nay bà T khởi kiện chia di sản thừa kế của bố mẹ bà để lại thì ông không đồng ý với T bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Ông đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Phần thừa kế của ông được hưởng ông đồng ý nhận, ông đề nghị Tòa án chia cho ông bằng đất, T bộ phần di sản ông được hưởng, ông đồng ý giao T bộ cho em ông là Phùng Minh N được T quyền quản lý, sở hữu và sử dụng. Ông không có yêu cầu độc lập gì về việc giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa ông Phùng Bắc H vắng mặt.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phùng Minh D trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 652 tờ bản đồ số 10 diện tích 1.004,3m² của bố ông là ông Phùng Duy Kham, mẹ là Đoàn Thị THnh ở thôn Cầu Thượng, xã Nhã Nam. Bố mẹ ông sinh được 08 người con gồm: Phùng Minh C, Phùng Minh H, Phùng Thị T, ông, Phùng Thị T, Phùng Bắc H, Phùng Minh N, Phùng Minh T. Hiện nay bố mẹ ông đã chết, bố ông chết năm 2018, mẹ ông chết năm 2007.

Về nguồn gốc đất: thửa đất số 652 tờ bản đồ số 10 diện tích 1.004,3m² của bố mẹ ông là do bố mẹ ông kể lại mua của xưởng cơ khí nhỏ, ông đã gặp người bán đó. Sau đó họ chuyển đi ông không nắm được tên tuổi địa chỉ cụ thể của người bán đất đó cho bố mẹ ông. Ông sinh sống cùng bố mẹ đến năm 1974 thì đi học trung cấp cơ khí. Năm 1981 thì ông về làm tại H Nội. Ông đi nước ngoài năm 1989 đến năm 1993 thì ông lấy tiền về xây nh trền và mua thêm đất đẹp Hnh Lg mới làm được nh trền đó. Thời điểm ở cùng bố mẹ ông gồm có các tài sản: nh 05 gian bằng gỗ xoan do bố mẹ ông xây dựng năm 1974 diện tích 50m² (ông cũng có công sức đóng góp làm nh này vì lúc đó các em ông còn nhỏ, các A thì đi vắng); 01 nh mái đổ bê tông, diện tích 45m², 01 tầng đều đã xây dựng trên 20 năm (nh này do ông đi nước ngoài bỏ số tiền ra làm). Những năm đó chưa có tường bao, chỉ có tường bao là rễ tre, cây cối lâm lộc trên đất thì không có gì.

Thửa đất trên của bố mẹ ông đã sử dụng từ những năm 1950, T bộ các A chị em ông chung sống với bố mẹ, đến khi học xong cấp 2 thì ông, ông N đi làm công nhân ở H Nội. Khi ông C, bà T, ông H lập gia đình đều ra ở riêng. Năm 1982 bố

ông mở cửa Hng sửa chữa xe đạp trên thửa đất này. Khoảng cuối năm 1982 thì bà T đi lấy chồng ở thôn Chính Lễ, xã L. Giới. Tuy nhiên do các A chị em người đi học, người đi làm xa, người có gia đình riêng nên vợ chồng bà T đã về phụ giúp bố mẹ làm ruộng và kinh doanh cửa hàng. Đến năm 1996, ông H ra ở riêng thì ông N đi công nhân về thay ông H giúp đỡ bố mẹ kinh doanh. Sau đó ông N lấy vợ năm 2003 thì ở cùng bố mẹ ông trên thửa đất này.

Năm 2007 mẹ ông chết thì bố ông vẫn tiếp tục ở với vợ chồng ông N. Năm 2012 thì ông về ở cùng bố ông trên thửa đất trên. Sau đó vợ chồng ông N có vấn đề với bố ông thì bà T mới đón bố ông ở một thời gian chăm sóc đến khi bố ông chết. Cuối năm 2017 bố ông viết di chúc thì ông không biết, ngày 01/3/2018 bố ông viết di chúc thì ông có biết nhưng ông không chứng kiến và nắm được nội dung như T nào, bà T khởi kiện thì ông đọc bản di chúc này mới nắm được nội dung. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố ông là cụ Kham cấp năm 2003. Nay bà T khởi kiện đề nghị Tòa án thực hiện theo di chúc của bố ông ngày 01/3/2018, nếu di chúc không phù hợp thì đề nghị giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông Phùng Minh D vắng mặt.

** Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện theo ủy quyền của UBND huyện T Yên ông Trần T A trình bày:*

Về diễn biến, hiện trạng của thửa đất số 652, tờ bản đồ số 10 được cấp GCNQSD đất cho hộ ông Phùng Duy Kham: làm việc với UBND thị trấn Nhã Nam cho biết, thửa đất số 652, tờ bản đồ số 10, bản đồ xã Nhã Nam đo đạc năm 2003 có nguồn gốc được Nhà nước giao và cấp GCNQSD đất cho hộ ông Phùng Duy Kham. Năm 2003, hộ ông Phùng Duy Kham được UBND huyện cấp đổi GCNQSD đất đối với thửa đất nêu trên, diện tích được cấp là 1.004,3m² (đất ở 360m², đất vườn 644,3m²), cấp tại Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 02/10/2003. Hiện trạng trên thửa đất số 652, tờ bản đồ số 10 có nhà ở và công trình phụ trợ của hộ gia đình đang sử dụng.

Qua kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSD đất lưu trữ tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T Yên thì thửa đất số 652, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.004,3m² tổ dân phố cầu Thượng, thị trấn Nhã Nam không có biến động về chủ sử dụng đất đai, quyền sử dụng đất hợp pháp vẫn đang giao cho hộ ông Phùng Duy Kham quản lý, sử dụng.

Về phần diện tích đo đạc năm 2020 diện tích 1.345,2m² tăng so với GCNQSD đất được cấp là 1004,3m². Qua làm việc với UBND thị trấn Nhã Nam cho biết, số liệu đo đạc năm 2020 do Tòa án thực hiện không có số liệu, kích thước cụ thể, do vậy không chồng lấn được bản đồ đo đạc năm 2002, do vậy không thể xác định diện tích tăng lên do đâu.

Năm 2017 thị trấn Nhã Nam được đo đạc bản đồ theo số liệu đo đạc thửa đất của hộ ông Kham sử dụng thể hiện tại thửa số 612, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.346,8m². Diện tích tăng so với GCNQSD đất năm 2003 là 342,5m² được UBND thị trấn Nhã Nam xác định có 20,5m² đất thuộc Hnh Lg giao thông, 322m² là đất ruộng của tác liền kề của hộ đã được cấp GCNQSD đất cho hộ ông Kham năm 1999

(cấp tại thửa số 43, tờ bản đồ số 12, bản đồ giải thửa xã Nhã Nam năm 1986 diện tích 384m²).

Tại phiên tòa ông Trần T A có mặt trình bày: Ông vẫn giữ nguyên lời trình bày tại bản tự khai, ông xác định năm 2003 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Phùng Duy Kham là cấp đổi, cấp lần đầu theo sổ địa chính xã Nhã Nam lưu giữ là cấp lần đầu năm 1999, về hồ sơ cấp GCNQSD đất năm 1999 thì UBND huyện T Yên không còn lưu trữ hồ sơ, năm 2003 do đo đạc lại thì cấp đổi GCNQSD đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2003 cho hộ ông Phùng Duy Kham là cấp cho hộ gia đình, các thành viên có tên trong sổ hộ khẩu thời điểm đó thì có quyền sử dụng đất. Về diện tích 39,6m² Hình Lg giao thông trong trích đo hiện trạng thửa đất hiện nay thì diện tích này không được dùng để chia cho các đương sự vì đất trên thuộc quyền quản lý của Nhà nước. Còn căn cứ vào quy định cụ thể nào thì ông không nắm được.

** Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện theo ủy quyền của UBND thị trấn Nhã Nam bà Phạm Thị Liên P trình bày:*

Xác định diễn biến và hiện trạng của thửa đất số 652, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất tại xã Nhã Nam (nay là thị trấn Nhã Nam), huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang đối với diện tích 1004,3m² đất, trong đó có 360m² đất ở và 644,3m² đất vườn, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: 01891 theo quyết định số 169/QĐ-UB ngày 02/10/2003 của UBND huyện T Yên cấp mang tên hộ ông Phùng Duy Kham.

Theo bản đồ địa chính xã Nhã Nam đo đạc năm 2002 thì thửa đất của hộ ông Kham được thể hiện tại thửa số 652, tờ bản đồ số 10, diện tích 1080,1m². Năm 2003 thửa đất của hộ ông Kham đã được cấp GCNQSD đất theo quyết định số 169/QĐ-CT ngày 02/10/2003 của UBND huyện T Yên về việc cấp GCNQSD đất ở, đất vườn, đất lâm nghiệp cho các chủ sử dụng đất xã Nhã Nam thì hộ ông Phùng Duy Kham được cấp GCNQSD đất đối với diện tích 1004,3m² đất gồm 360m² đất ở và 644,3m² đất vườn tại thửa số 652, tờ bản đồ số 10, thôn Cầu Thượng, Nhã Nam.

Theo sổ mục kê lập ngày 31/12/2007 tại trang 135 thể hiện thửa số 652, tên người sử dụng đất, quản lý là Phùng Duy Kham- Đoàn Thị THnh, loại đối tượng: hộ, diện tích 1080m². Diện tích trên bản đồ địa chính xã Nhã Nam đo đạc năm 2002 tăng 75,7m² so với diện tích được cấp GCN năm 2003 là diện tích thuộc Hình Lg giao thông, hộ chỉ được công nhận QSD đất diện tích 1004,3m². Theo bản đồ đo đạc năm 2017 thì thửa đất của hộ ông Kham thể hiện là thửa số 612, tờ bản đồ số 28, diện tích 1346,8m² so sánh với diện tích hộ ông Kham được cấp GCNQSD đất năm 2003 thì diện tích trên bản đồ địa chính đo đạc năm 2017 tăng 342,5m² là do trong quá trình sử dụng đất hộ ông Kham đã xây tường bao ra đất ruộng của tác liên kê của hộ gia đình ông là 322m² (phần diện tích đất ruộng của tác này đã được cấp GCNQSD đất nông nghiệp cho hộ ông Kham năm 1999 tại thửa số 43, tờ bản đồ số 12, bản đồ giải thửa xã Nhã Nam năm 1986, diện tích 384m²), phần diện tích còn lại là 20,5m² là đất thuộc Hình Lg giao thông do đơn vị đo đạc khi đo đạc bản đồ địa chính đã đo bao vào đất thổ cư của hộ ông Kham.

Về phần diện tích đo đạc năm 2020 do Tòa án thực hiện diện tích là 1.345,2m² tăng so với cấp GCNQSD đất hộ ông Kham năm 2003 là 340,9m² (bao gồm đất Hnh Lg giao thông và đất ruộng cA tác liền kề do hộ ông Kham trong quá trình sử dụng đất đã xây quây vào thửa đất thổ cư để sử dụng).

Phần diện tích dôi dư 340,9m² là bao gồm đất Hnh Lg giao thông và đất ruộng cA tác của hộ ông Kham đã được cấp GCNQSD đất nông nghiệp năm 1999 với mục đích là đất lúa, thời hạn sử dụng đến tháng 10/2013. Hiện tại hộ ông Kham đã tự ý xây tường lấn ra phần diện tích đất ruộng cA tác liền kề để sử dụng làm vườn và đào ao là sử dụng sai mục đích. Về quy hoạch sử dụng đất thì phần dôi dư không phù hợp với quy hoạch đất ở do đó không thể cấp GCNQSD đất ở đối với phần diện tích đất dôi dư này.

Tại phiên tòa hôm nay bà Phạm Thị Liên P có mặt trình bày: Theo sổ địa chính xã Nhã Nam đề ngày 10/01/2000 thì hộ gia đình ông Phùng Duy Kham được cấp lần đầu năm 1999 tại số 245/QĐUB, số vào sổ cấp GCN 00673 tại tờ bản đồ số 12, thửa số 21, diện tích 1030m² và cấp đổi GCNQSD năm 2003 cấp cho hộ ông Phùng Duy Kham, việc cấp GCNQSD đất năm 2003 là cấp cho hộ gia đình cụ Kham, cấp GCNQSD đất dựa trên các tHnh viên có tên trong sổ hộ khẩu. Hiện tại hồ sơ cấp GCNQSD đất năm 1999 UBND xã không còn lưu trữ hồ sơ, chỉ còn căn cứ vào sổ địa chính để xác định năm 2003 là cấp đổi. Về diện tích 39,6m² Hnh Lg giao thông trong trích đo hiện trạng thửa đất hiện nay thì diện tích này không được dùng để chia cho các đương sự còn quy định ở đâu thì bà không nắm được.

** Tại ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, A Phùng Minh T trình bày:*

Tài sản thừa kế của cụ Đoàn Thị THnh khi chết để lại trong khối tài sản chung của gia đình cụ Phùng Duy Kham chủ hộ làm đại diện. Cụ THnh chết không để lại di chúc nên việc phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Tài sản cụ Phùng Duy Kham trong khối tài sản chung của hộ gia đình trước khi cụ qua đời cụ có lập di chúc tại Văn phòng công chứng có chứng thực của công chứng viên, đây là bản di chúc thực hiện theo đúng pháp luật.

Đề nghị Tòa án phân định theo di chúc người được hưởng tài sản theo di chúc của cụ Kham là ông Phùng Minh N bà và A hoàn T nhất trí. Bà và A không đồng ý việc bà T sử dụng bản di chúc ngày 01/3/2018 để chia tài sản thừa kế của cụ Kham vì bản di chúc trên không lập đúng quy định theo luật dân sự, người sử dụng di chúc có biểu hiện gian dối và thông đồng với người khác làm sai lệch nội dung di chúc. Bà và A không có đề nghị giải quyết gì trong vụ án này.

Lời khai của bà Nguyễn Thị H khai: Bà sinh sống trên thửa đất số 652 tờ bản đồ số 10 từ khi lấy ông N năm 2002, quá trình sinh sống với ông N và cụ Kham trên đất thì bà cùng ông N có kiến thiết xây dựng một số tài sản trên đất như công trình, cây cối vào năm 2003 thì vợ cH bà có sinh được con T là Phùng Minh T. Bà có công sức đóng góp vào khối tài sản trên đất cùng ông N nhưng do bà T khởi kiện không yêu cầu chia các tài sản trên đất nên bà cũng không yêu cầu, đề nghị gì trong vụ án này. Nay bà không nhất trí với T bộ yêu cầu khởi kiện của bà T đề nghị

Tòa án công nhận di chúc mà cụ Kham đã viết cho CH bà là ông N năm 2017, ngoài ra bà không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này.

Lời khai của A Phùng Minh T khai: A là con T của ông Phùng Minh N và bà Nguyễn Thị H, A sinh sống trên thửa đất từ khi sinh ra cùng bố mẹ, ông nội là cụ Kham cho đến nay. Do A còn nhỏ không có công sức đóng góp gì đối với công trình trên đất mà bố mẹ A xây dựng nay bà T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế thì A không đồng ý với T bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Nếu A được hưởng tài sản của ông bà để lại thì A nhất trí phần tài sản của A được hưởng đồng ý giao T bộ cho bố A quản lý, sử dụng và A không yêu cầu bố A PH trích chia bằng tiền cho A, ngoài ra A không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H, A Phùng Minh T vắng mặt.

* Đối với ông Phùng Minh T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Tòa án đã giao gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, thông báo hòa giải ông T đều vắng mặt. Tòa án đã ủy thác cho Tòa án nhân dân quận H An, tHnh phố H Phòng hướng dẫn ông T viết bản tự khai, ông T không viết, Tòa án lấy lời khai của ông T về nội dung khởi kiện của bà T nhưng ông T không có ý kiến gì về việc khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn bà T.

** Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà T là luật sư Giáp T T trình bày:*

Đề nghị HĐXX căn cứ vào mục 4 phần III Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC; Điều 8 Nghị định số 51-CP về hộ khẩu; khoản 1 Điều 24 Luật cư trú năm 2006 về sổ hộ khẩu; Điều 624 Bộ luật dân sự về di chúc; khoản 1 Điều 640 Bộ luật dân sự về sửa đổi, bổ sung thay T, hủy bỏ di chúc; Điều 633 Bộ luật dân sự về di chúc bằng văn bản không có người làm chứng; Điều 634 Bộ luật dân sự di chúc bằng văn bản có người làm chứng; Điều 632 Bộ luật dân sự về người làm chứng cho việc lập di chúc; khoản 1 Điều 630 Bộ luật dân sự về di chúc hợp pháp, khoản 5 Điều 643 Bộ luật dân sự về hiệu lực của di chúc, điểm a khoản 1, 2 Điều 651 Bộ luật dân sự về người thừa kế theo pháp luật, điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự về những trường hợp thừa kế theo pháp luật.

Chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

* Kiểm sát viên, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký phiên tòa là đảm B. Tại phiên tòa việc chấp Hnh của Nguyên đơn, Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng là đảm B theo quy định của pháp luật. Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa là chưa đảm B theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 166, 167, 179 Luật đất đai; Điều 609; 612, 613, 623; 624; 628; 630; 631; 634; 635, 640, 643; 649, 650, 651, 660 BLDS;

Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của cụ THnh theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu công nhận bản di chúc của cụ Kham lập ngày 13/11/2017 và 01/3/2018 hợp pháp và chia di sản của cụ Kham theo bản di chúc này.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông H về yêu cầu công nhận bản di chúc ngày 09/3/2017 hợp pháp và chia thừa kế theo bản di chúc này.

Giao T bộ diện tích đất 990,3m² cho ông N quản lý, sử dụng, ông N có trách nhiệm trích chia cho ông T số tiền 681.618.150 đồng; Bà T; ông C, ông D mỗi người là 136.525.630 đồng.

Tạm giao cho ông N quản lý 39,6m đất nằm trong Hnh Lg giao thông nhưng hạn chế ông N xây dựng công trình trên đất.

Về chi phí thẩm định, định giá: Ông Phùng Minh N pH chịu 9.245.000 đồng ông Phùng Minh T 2.889.000 đồng, Phùng Minh C, ông Phùng Minh D, bà Phùng Thị T mỗi người pH chịu 288.800 đồng

Về án phí: Bà Phùng Thị T, ông Phùng Minh C, ông Phùng Minh D được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án trA chấp chia di sản thừa kế giữa bà Phùng Thị T và ông Phùng Minh N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện T Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định tiến Hnh xét xử vụ án vắng mặt một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện và pháp luật áp dụng:

* Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự quy định “...Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, ..., kể từ thời điểm mở thừa kế...”. Trong vụ án này cụ cụ Đoàn Thị THnh chết năm 2007, cụ Phùng Duy Kham chết năm 2018. Như vậy, thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Phùng Thị T vẫn còn.

* Về pháp luật áp dụng: Do cụ THnh chết năm 2007, cụ Khuê chết năm 2018 và thừa đất trA chấp chia thừa kế được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, 2015; Luật đất đai năm 2003, 2013 và một số văn bản hướng dẫn để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T, Hội đồng xét xử thấy:

4.1. Về xác định Hng thừa kế:

- Xác định Hng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Đoàn Thị THnh:

Theo xác minh tại địa P và lời khai các đương sự trong vụ án đều thừa nhận thửa đất nguyên đơn bà T đang có yêu cầu đề nghị chia di sản thừa kế có nguồn gốc là của cụ THnh, cụ Kham để lại và cụ THnh, cụ Kham sử dụng từ những năm 1956 mua của xưởng đúc gang. Năm 2007 cụ THnh chết không để lại di chúc và sau khi các cụ chết thì cụ Kham và các con của cụ đều không có văn bản thỏa thuận gì về việc phân chia di sản thừa kế cụ THnh.

Về nguồn gốc QSDĐ có từ năm 1956 khi cụ Kham đứng ra mua của xưởng đúc gang sau đó đã giải thể, đến ngày 02/10/2003 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi mua cụ Kham xây dựng ngôi nH gỗ 05 gian bằng gỗ xoan được xây dựng từ năm 1974, 01 ngôi nH ngói 5 gian bằng gỗ hiện tại vẫn đang sử dụng, cây cối trong vườn không có giá trị. Ngoài ra, còn một số tài sản do ông Phùng Minh N xây dựng sau này gồm nH bếp, cửa Hng sửa chữa xe đạp, sân gạch, tầng trên mái bằng và một số công trình khác và cây cối trên đất.

Năm 2007 vợ cụ Kham là Đoàn Thị THnh đột ngột qua đời không để lại di chúc về tài sản. Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận cụ THnh có 8 người con ngoài ra không có con đẻ, con nuôi nào khác. Vì vậy, phần QSDĐ của vợ cụ Kham muốn phân định thì pH chia thừa kế, những người thừa kế thuộc Hng thứ nhất của cụ THnh ở thời điểm khi chết gồm có 09 người là cụ Kham và 08 người con: Phùng Minh H, Phùng Thị T, Phùng Minh C, Phùng Minh H, Phùng Bắc H, Phùng Thị T, Phùng Minh N, Phùng Minh T. Ngoài những người trên đây thì cụ Đoàn Thị THnh không còn người nào khác thuộc Hng thừa kế thứ nhất, vì vậy những người nêu trên đều được hưởng phần thừa kế như nhau mỗi người sẽ được 01/9 phần thừa kế của cụ THnh (Phần thừa kế cụ Đoàn Thị THnh để lại là 1/5 giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 652). Qua đó, cụ Kham cũng giống như các 8 người con sẽ được hưởng 01 phần thừa kế của cụ THnh để lại (1/9 giá trị QSDĐ và tài sản gắn liền với đất trong phần thừa kế của bà Đoàn Thị THnh).

- Xác định Hng thừa kế thứ nhất theo quy định pháp luật của cụ Kham:

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 thì khi cụ Kham chết thì 8 người con của cụ là thuộc diện Hng thừa kế thứ nhất theo pháp luật. Nhưng trong vụ án này cụ Kham trước khi chết có viết di chúc cho ông Phùng Minh N năm 2017, viết cho bà Phùng Thị T năm 2017, năm 2018. Do đó cần xem xét tính hợp pháp của các di chúc này.

Năm 2003 khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo xác nhận tại địa P và các lời khai của các đương sự thì gia đình cụ Kham có 05 nhân khẩu gồm: cụ Phùng Duy Kham, cụ Đoàn Thị THnh, ông Phùng Minh N, A Phùng Minh T là con T của ông N, ông Phùng Minh T. Những người con khác còn lại đã ở riêng là: Phùng Minh C, Phùng Minh H, Phùng Thị T, Phùng Minh D, Phùng Thị T, Phùng Bắc H. Do vậy, xác định thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có 05 người được hưởng quyền lợi như nhau được chia tHnh 05 phần. Khi đó cụ Kham là chủ hộ đại diện đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và cụ cũng được 01 phần trong thửa đất có diện tích 1003,4m² (1/5 giá trị

quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất nêu trên).

Năm 2003 UBND huyện T Yên cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ gia đình cụ Kham, lúc đó cụ Kham là chủ hộ. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của UBND thị trấn Nhã Nam và UBND huyện T Yên xác định đây là trường hợp cấp cho hộ gia đình chứ không pH cấp cho cá nhân cụ Kham. Thời điểm năm 2003 theo xác minh tại địa P thì những người trong sổ hộ khẩu gia đình cụ Kham gồm có cụ Kham, cụ THnh, ông Phùng Minh N, ông Phùng Minh T, A Phùng Minh T (con ông N). Do vậy, xác định 5 người trên được hưởng quyền sử dụng đất vào thời điểm cấp GCNQSD đất năm 2003.

Như vậy, trong QSDĐ của hộ gia đình cụ Kham phần cụ được hưởng gồm 1/5 trong giấy chứng nhận QSDĐ được cấp cho hộ gia đình ngày 02/10/2003 và 1/9 trong phần được hưởng thừa kế từ vợ là cụ THnh để lại. Cụ có T quyền định đoạt phần mà mình được hưởng không cần sự đồng ý của một người nào khác.

4.2. Về xem xét tính hợp pháp của di chúc :

- Xem xét tính hợp pháp của bản di chúc ngày 13/11/2017 và ngày 01/3/2018 của cụ Kham viết cho bà T:

Bản di chúc ngày 01/3/2018 thuộc loại di chúc bằng văn bản có người làm chứng, được quy định tại Điều 634 Bộ luật dân sự hiện hành. Điều 634 quy định: Người lập di chúc ký vào bản di chúc trước sự chứng kiến của tất cả những người làm chứng (ít nhất có 02 người trở lên). Người làm chứng xác nhận chữ ký trong di chúc của người lập di chúc và ký vào di chúc với tư cách người làm chứng.

Đối chiếu với quy định của pháp luật bản di chúc ngày 01/3/2018 thì thấy: Người làm chứng chỉ xác nhận người lập di chúc vẫn đang minh mẫn, không bị lú lẫn. Người làm chứng không xác nhận chữ ký của người lập di chúc, không xác nhận người lập di chúc ký vào di chúc trước mặt họ. Bản di chúc ngày 01/3/2018 không ghi nhận người lập di chúc có tài sản là đất tại thửa đất số 652, diện tích 1004,3m² tại thôn Cầu Thượng. Di chúc cũng không xác nhận có GCN QSD đất số AA 059919, UBND huyện T Yên cấp ngày 02/10/2003. Không ghi có tài sản là đất thì không có căn cứ chia tài sản là đất thừa kế cho Phùng Thị T và những người khác. Người lập di chúc không tự viết mà nhờ ông Vũ Xuân H viết hộ, lập xong người lập di chúc không xác nhận là ghi đúng như lời kể hoặc có một trong các dòng chữ đã nghe lại, đã tự đọc, nhất trí như đã ghi. Chính vì lý do này người lập di chúc đã qua đời một thời gian thì bà Phùng Thị T kiện chia di sản thừa kế theo di chúc, thấy có sai sót, bà T đã cầm di chúc đến đề nghị ông Vũ Xuân H xác nhận là ghi theo lời kể của người lập di chúc là thực. Ông Vũ Xuân H đồng tình và có ghi vào di chúc nhưng ngày ghi thì lại không đúng như lúc viết thêm vào di chúc mà lại ghi ngược lại ngày 01/3/2018, lúc người lập di chúc còn sống. Việc này ông Vũ Xuân H đã tự viết giấy xác nhận đề ngày 13/4/2020 đã thừa nhận “sau khi viết xong di chúc cụ Kham đem về xin chữ ký của những người có trách nhiệm, sau 23 ngày thì cụ qua đời, chị Phùng Thị T con gái út của cụ đem vào nhờ tôi và nói: Người ta B bác viết hộ ông cháu thì bác viết xác nhận là bác viết hộ. Rất đơn giản tôi có xác nhận sau khi đã có chữ ký của các cá nhân làm chứng cho cụ là đúng sự thật”.

Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai một số người làm chứng về việc xác nhận vào di chúc:

Ông Vũ Xuân H tại biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2020 có khai: Tại bản di chúc ngày 01/3/2018 T bộ nội dung chữ viết của ông viết tại gia đình nH ông do cụ Phùng Duy Kham nhờ ông viết. Nội dung di chúc cụ Kham truyền đạt cho ông viết lúc đó cụ Kham hoàn T minh mẫn, không bị ai ép buộc, ông khẳng định T bộ nội dung bản di chúc là do cụ Kham truyền đạt để ông viết theo ý nguyện của cụ Kham. Lúc viết di chúc tại gia đình nH ông có ông, cụ Kham, con gái cụ Kham là Phùng Thị T và con T bà T (tên là gì thì ông không biết tên). Tất cả những người ký xác nhận vào bản di chúc ngày 01/3/2018 gồm: ông Phạm Ngọc T, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Bá T, ông Phạm Sơn H, bà Trần Thị L, ông Vũ Quốc B đều không có mặt tại thời điểm ông viết hộ bản di chúc cho cụ Phùng Duy Kham. Nội dung di chúc viết tất cả di sản của cụ để lại tặng cho 08 người con của cụ Kham. Riêng phần của cụ thì để lại cho con gái là Phùng Thị T đang chăm sóc nuôi dưỡng cụ cho đến khi cụ Kham chết. Việc viết bản di chúc trên là do ông hoàn T tự nguyện không bị ai ép buộc. Nội dung bản di chúc ông viết hộ là hoàn T ý chí của cụ Phùng Duy Kham lúc đó cụ Kham hoàn T minh mẫn. Sau khi viết xong bản di chúc được khoảng 03 ngày sau thì ông được biết cụ Kham mất và ông có đi viếng.

Theo lời khai của một số người làm chứng khác như bà Trần Thị L tại biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2020 có trình bày: Ngày 01/3/2018 bà có đến nH bà Phùng Thị T có ch là ông Vũ Văn Bắc, bà đến nH cụ Phùng Duy Kham có gọi bà đến nhờ ký xác nhận tình trạng cụ Kham minh mẫn vào bản di chúc. Khi bà đến nH bà T và cụ Kham có đưa ra một văn bản có đầu đề là “chức thư thừa kế” đề ngày 01/3/2018 và nhờ bà xác nhận vào văn bản là hiện tại cụ Kham đang minh mẫn, sáng suốt.... Cụ Kham đưa bản di chúc cho bà xác nhận thì nội dung di chúc đã được viết từ trước đó và có chữ ký Kham- Phùng Duy Kham rồi, bà không chứng kiến việc lập di chúc, cũng không chứng kiến việc cụ Kham ký tên vào di chúc, nội dung bản di chúc T nào thì bà không đọc kỹ nên không nhớ, bà chỉ xác nhận về khả năng nhận thức của cụ Kham tại thời điểm nói chuyện với bà, không pH thời điểm lập và ký di chúc. Bà không xác nhận về nội dung di chúc, không xác nhận chữ ký của cụ Kham hay bất cứ nội dung gì khác.

Đối với những người làm chứng còn lại như ông Phạm Sơn H, ông Phạm Ngọc T, ông Nguyễn Bá T, ông Vũ Quốc B, bà Nguyễn Thị V tại biên bản xác minh đều xác nhận là các ông, bà không có mặt tại thời điểm viết di chúc, chỉ xác nhận tại thời điểm đến nhờ các ông bà xác nhận vào di chúc là tình trạng cụ Kham minh mẫn, sáng suốt. Các ông, bà không chứng kiến việc lập di chúc cũng không chứng kiến cụ Kham ký tên và điểm chỉ vào di chúc.

Như vậy, đối chiếu với các quy định của pháp luật thì di chúc cụ Kham lập cho bà T năm 2018 là không đúng quy định tại Điều 634 của Bộ luật dân sự. Tại Điều 634 Bộ luật dân sự có quy định về di chúc bằng văn bản có người làm chứng: *“Trường hợp người lập di chúc không tự mình viết bản di chúc thì có thể tự đánh máy hoặc nhờ người khác viết hoặc đánh máy bản di chúc nhưng pH có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc pH ký và điểm chỉ vào bản di chúc trước*

mặt những người làm chứng, những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc”.

Ngoài ra, bản di chúc năm 2018 không thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 624; Điều 628, Điều 631, Điều 632, Điều 641 của Bộ luật dân sự như nội dung di chúc thì bản di chúc ngày 01/3/2018 không ghi nhận người lập di chúc có tài sản là đất tại thửa đất số 652, diện tích 1004,3m² tại thôn Cầu Thượng, di chúc cũng không xác nhận có GCN QSD đất số AA 059919, UBND huyện T Yên cấp ngày 02/10/2003. Không ghi có tài sản là đất thì không có căn cứ chia tài sản là đất thừa kế cho bà Phùng Thị T và những người khác. Nội dung di chúc chỉ viết tắt cả di sản của cụ để lại tặng cho 08 người con của cụ Kham, riêng phần của cụ thì để lại cho con gái là Phùng Thị T đang chăm sóc nuôi dưỡng cụ cho đến khi cụ Kham chết. Sau khi di chúc viết xong không ghi giao cho ai giữ, B quản và công bố theo Điều 626; Điều 641 của Bộ luật dân sự.

Mặt khác, bà T tại phiên tòa xuất trình được bản di chúc gốc cho Tòa án và bà đề nghị xem xét bổ sung di chúc ngày 13/11/ 2017, bà trình bày di chúc ngày 01/3/2018 là bổ sung di chúc ngày 13/11/2017 chứ không pH thay T, bà đề nghị công nhận cả hai di chúc. Xét thấy di chúc ngày 01/3/2018 là di chúc cuối cùng thể hiện ý trí của cụ Kham, di chúc này nội dung mâu thuẫn di chúc ngày 13/11/2017 và di chúc này đã được thay T bằng di chúc ngày 01/3/2018, di chúc ngày 01/3/2018 không thỏa mãn các quy định của pháp luật nên không có căn cứ để công nhận 02 di chúc ngày 13/11/2017 và ngày 01/3/2018 của cụ Kham viết cho bà T là hợp pháp theo lời trình bày của bà T và của luật sư T tại phiên tòa.

- Xem xét tính hợp pháp của bản di chúc ngày 09/3/2017 của của Kham viết cho ông N:

Ngày 9/3/2017 tại Văn phòng công chứng Đ \$ T cụ Phùng Duy Kham đã viết di chúc, trong nội dung di chúc tại trang 1 của di chúc có ghi rõ viết di chúc trong trạng thái tinh thần minh mẫn, sáng suốt, không bị ai ép buộc, tự nguyện lập di chúc phân định quyền sử dụng đất được hưởng và tài sản thừa kế. Cụ thể người được hưởng di sản là ông Phùng Minh N ở thôn cầu Thượng, thị trấn Nhã Nam, huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang. Di sản là Thửa đất số 652, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất: xã Nhã Nam, huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang, diện tích 1004,3m², mục đích sử dụng đất ở 360m², đất vườn 644,3m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên hộ ông Phùng Duy Kham. Tài sản gắn liền với đất: 02 ngôi nH trong đó có 01 nH cấp 4 và một ngôi nH mái bằng (tài sản chưa được cấp quyền sở hữu).

Như vậy, trong quyền sử dụng đất của hộ gia đình cụ Kham, phần cụ được hưởng gồm 1/5 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Kham năm 2003 và 1/9 trong phần được hưởng thừa kế theo pháp luật từ vợ là cụ THnh để lại. Cụ Kham T quyền định đoạt phần mà mình được hưởng không cần sự đồng ý của một người nào khác.

Cụ Kham đã phân định di sản cho người thừa kế sau khi cụ qua đời cho con T là ông N được hưởng phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của cá nhân cụ tại thửa đất số 652 nêu trên bao gồm 1/5 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình ông ngày 02/10/2003 và 01/9 trong phần được hưởng

thừa kế từ cụ THnh để lại. Tài sản tặng cho con T Phùng Minh N không pH thA toán bằng tiền hoặc tài sản nào khác, không pH chia sẻ cho tHnh viên nào khác trong gia đình, ông N pH có trách nhiệm quản lý tài sản của cụ Kham để lại, không được bán cho người khác, không để người khác xâm phạm tài sản của cụ tặng.

Như vậy, bản di chúc được cụ Kham viết cho ông N tại văn phòng công chứng Đ \$ T xác định cụ hoàn T tự nguyện và minh mẫn, sáng suốt, không bị ai ép buộc và sau đó di chúc này đã được công chứng di chúc trước mặt công chứng viên và công chứng viên đã xác nhận: Tại thời điểm công chứng, cụ Kham có đầy đủ năng lực Hnh vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật, nội dung di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; ông Phùng Duy Kham đã tự đọc lại bản di chúc này, đã đồng ý T bộ nội dung ghi trong di chúc và ký tên, điểm chỉ vào di chúc trước sự có mặt của Công chứng viên. Và tại văn bản ý kiến của Văn phòng công chứng Đ \$ T cũng khẳng định nội dung này.

Nhưng đối chiếu với các quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 640 Bộ luật dân sự quy định về sửa đổi, bổ sung, thay T, hủy bỏ di chúc có quy định: *“3.Trường hợp người lập di chúc thay T di chúc bằng di chúc mới thì di chúc trước bị hủy bỏ”*. Như vậy, trong vụ án này di chúc cuối cùng năm 2018 viết cho bà T đã thể hiện ý chí cụ Kham muốn thay đổi di chúc mà di chúc này không hợp pháp theo quy định của pháp luật nên di chúc ngày 09/3/2017 viết cho ông N tại Văn phòng công chứng Đ \$ T bị hủy bỏ, hết hiệu lực.

Như vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu độc lập của ông H đề nghị công nhận di chúc ngày 09/3/2017 viết cho ông N tại văn phòng công chứng Đ\$ T và chia theo di chúc này.

4.3. Về xác định di sản thừa kế và chia di sản thừa kế của cụ THnh, cụ Kham:

* *Về Di sản là quyền sử dụng đất*: Thừa đất số 52, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất tại Thôn Cầu Thượng (nay là tổ dân phố Cầu Thượng), xã Nhã Nam (nay là thị trấn Nhã Nam), huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang theo cấp giấy CNQSD đất năm 2003 thì diện tích là 1004,3m² trong đó 360m² đất ở và 644,3m² đất vườn. Theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất hiện nay của Công ty TNHH một tHnh viên Kim Hoàng thì tổng diện tích đo là 1346,2m² gồm diện tích 1029,9m² đất ở, đất vườn trong đó có 39,6 m² là Hnh Lg giao thông và diện tích 316,3m² đất nông nghiệp. Do vậy, diện tích đất ở và đất vườn trừ diện tích Hnh Lg giao thông hiện trạng còn là diện tích 990,3m² trong đó 360m² đất ở và 630,3m² đất vườn.

Theo kết quả định giá ngày 18/9/2020 và ngày 09/4/2021 thì định giá đất ở có giá 7.500.000 đồng/m², đất vườn là 42.000 đồng/m². Các đương sự trong vụ án đều nhất trí với kết quả đo đạc hiện trạng của thửa đất và kết quả định giá của Hội đồng định giá về giá đất ở, đất vườn. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chia thừa kế theo diện tích hiện trạng kết quả đo của Công ty THHH một tHnh viên Kim Hoàng là diện tích 990,3m² trong đó 360m² đất ở, 630,3m² đất vườn với giá như kết quả của Hội đồng định giá đã định giá về đất ở và đất vườn.

- Năm 2003 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Phùng Duy Kham thì lúc đó theo xác minh nhân khẩu tại địa P thì hộ cụ Kham gồm 5 người là

cụ Kham, cụ THnh, ông N, ông T, con ông N là T. Như vậy, quyền sử dụng đất của thửa đất này tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 5 người trên cụ thể mỗi người được hưởng: $990,3 \text{ m}^2 : 5 = 198,06 \text{ m}^2$ trong đó 72 m^2 đất ở và $126,06 \text{ m}^2$ đất vườn là giảm so với thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 diện tích $1004,3 \text{ m}^2$.

- *Di sản của cụ THnh chết năm 2007 không để lại di chúc, chia theo pháp luật cụ thể:*

Người được hưởng gồm cụ Kham và 08 người con. Di sản của cụ THnh là 1/5 của diện tích trong giấy chứng nhận QSD đất cấp năm 2003 thì diện tích là 72 m^2 đất ở và $126,06 \text{ m}^2$ đất vườn.

09 người gồm cụ Kham, ông C, ông H, bà T, ông D, bà T, ông H, ông N, ông T mỗi người được hưởng: 8 m^2 đất ở và 14 m^2 đất vườn.

Đất ở: $8 \text{ m}^2 \times 7,5 \text{ triệu} = 60.000.000$ đồng.

Đất vườn: $14 \text{ m}^2 \times 42.000 \text{ đ/m}^2 = 588.000$ đồng.

- *Di sản của cụ Kham chết năm 2018 có để lại di chúc nhưng các di chúc không hợp pháp nên chia theo pháp luật cụ thể gồm:* 1/5 di sản của cụ Kham để lại và 1/9 di sản hưởng cụ THnh tổng là $(72 \text{ m}^2 + 8 \text{ m}^2) 80 \text{ m}^2$ đất ở và $(126,06 \text{ m}^2 + 14 \text{ m}^2) 140,06 \text{ m}^2$ đất vườn. Di sản của cụ Kham chia đều cho 8 người con.

Ông C, ông H, bà T, ông D, bà T, ông H, ông N, ông T mỗi người được hưởng: 10 m^2 đất ở và $17,5 \text{ m}^2$ đất vườn.

Như vậy, 08 người con gồm ông C, ông H, bà T, ông D, bà T, ông H, ông N, ông T mỗi người được hưởng di sản từ cụ THnh và cụ Kham để lại chia theo pháp luật là: 18 m^2 đất ở và $31,5 \text{ m}^2$ đất vườn, tổng $49,5 \text{ m}^2$ đất.

Cụ thể:

- Ông Phùng Minh N tHnh viên trong hộ cấp GCNQSD đất năm 2003 hưởng 1/5 quyền sử dụng đất + 1/9 di sản cụ THnh + 1/8 di sản cụ Kham là: $(72 \text{ m}^2$ đất ở + $126,06 \text{ m}^2$ đất vườn) + $(8 \text{ m}^2$ đất ở + 14 m^2 đất vườn) + $(10 \text{ m}^2$ đất ở + $17,5 \text{ m}^2$ đất vườn) = 90 m^2 đất ở và $156,56 \text{ m}^2$ đất vườn giá trị 681.617.500 đồng .

- Ông Phùng Minh T tHnh viên trong hộ cấp GCNQSD đất năm 2003 hưởng 1/5 quyền sử dụng đất + 1/9 di sản cụ THnh + 1/8 di sản cụ Kham là: 90 m^2 đất ở và $156,56 \text{ m}^2$ đất vườn giá trị 681.617.500 đồng .

- A Phùng Minh T tHnh viên trong hộ cấp GCNQSD đất năm 2003 hưởng 1/5 quyền sử dụng đất là: 72 m^2 đất ở và $126,06 \text{ m}^2$ đất vườn giá trị 545.294.500 đồng.

- Bà Phùng Thị T, ông Phùng Minh C, ông Phùng Minh H, bà Phùng Thị T, ông Phùng Bắc H, ông Phùng Minh D mỗi người hưởng 1/9 di sản cụ THnh + 1/8 di sản cụ Kham là: 18 m^2 đất ở và $31,5 \text{ m}^2$ đất vườn giá trị 136.323.000 đồng.

Như vậy, ông N được ông H, bà T, ông H, A T nhận kỷ phần thừa kế được hưởng và nhất trí giao cho ông N T quyền quản lý, sử dụng các kỷ phần của những người trên. Do vậy, cụ thể ông N được hưởng: kỷ phần của ông 90 m^2 đất ở và $157,56 \text{ m}^2$ đất vườn, của A T: 72 m^2 đất ở + $126,06 \text{ m}^2$ đất vườn, của ông H, bà T, ông H mỗi người: 18 m^2 đất ở + $31,5 \text{ m}^2$ đất vườn. Tổng ông N được hưởng là 216 m^2 đất ở và $378,12 \text{ m}^2$ đất vườn giá trị 1.620.015.881 đồng.

Ông T được hưởng là: 90m² đất ở và 156,56m² đất vườn giá trị 681.617.500 đồng .

Bà T, ông C, ông D mỗi người được hưởng là: 18m² đất ở và 31,5m² đất vườn giá trị 136.323.000 đồng.

Xem xét lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án: Ông N là người trong nom quản lý di sản thừa kế từ khi cụ THnh, cụ Kham chết cho đến nay. Ông đồng ý với một phần khởi kiện của bà T là chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ THnh, di sản của cụ Kham không đồng ý di chúc viết cho bà T năm 2017, 2018, đề nghị công nhận di chúc năm 2017 viết cho ông là hợp pháp. Bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị di sản cụ THnh chia theo pháp luật, di sản cụ Kham chia theo di chúc đã viết cho bà năm 2017, 2018, bà yêu cầu chia cho bà bằng hiện vật. Các ông H, bà T, ông H đều đồng thuận đề nghị nhận phần di sản được hưởng bằng hiện vật và giao lại cho ông N quản lý, sử dụng và làm nơi thờ cúng cha mẹ của họ, các ông bà không yêu cầu ông N pH trích chia bằng tiền cho mình. Ông C, ông D đề nghị chia theo quy định của pháp luật. Còn đối với ông T không có ý kiến gì thì Tòa án xét thấy ông T có chỗ ở H Phòng, không có nhu cầu sinh sống trên thửa đất này, nên cần xem xét trích chia kỷ phần thừa kế ông T được hưởng bằng tiền cho ông T là cũng đảm B.

Hội đồng xét xử, xét thấy hiện nay các đương sự trình bày đều đã có chỗ ở ổn định, ông N ở cùng cụ THnh, cụ Kham từ khi sinh ra cho đến nay, ông N đã sửa chữa tôn tạo các công trình trên đất, trông nom B quản di sản của cụ Kham và cụ THnh và xét theo nguyện vọng đại đa số các A chị em mong muốn không chia đất để tHnh khuôn viên chung, làm nơi thờ cúng các cụ, việc chia đất cho các đương sự khác sẽ làm ảnh hưởng đến các công trình trên đất, do vậy cần giao T bộ diện tích đất cho ông N quản lý sử dụng, ông N pH trích chia giá trị bằng tiền cho bà T, ông D, ông C mỗi người 136.323.000 đồng và ông T 681.617.500 đồng .

*** Đối với các tài sản gắn liền trên đất:**

- Theo biên bản định giá ngày 18/9/2020 thì xác định tài sản trên đất gồm:

+ Công trình trên đất: NH cấp bốn mái ngói: 44.226.000 đồng; Sân gạch lá nem: 17.572.000 đồng; Tường hoa: 5.639.000 đồng; Mái tôn sân: 11.812.000 đồng; Tường bao NH: 4.992.000 đồng; Trụ cổng: 906.000 đồng; 02 cánh cổng: 5.464.000 đồng

+ Cây cối trên đất: 01 cây xoài: 1.118.000 đồng; 01 cây sấu: 1.118.000 đồng; 02 cây xoan: 1.420.000 đồng; 02 cây khế: 636.000 đồng; 02 cây mít nhỏ: 64.000 đồng; 06 cây bưởi: 12.162.000 đồng; 01 cây vú sữa: 183.000 đồng; 03 cây nhãn: 2.274.000 đồng; 05 cây vải: 8.565.000 đồng; 02 cây táo: 1.090.000 đồng; 04 cây ổi 708.000 đồng; 01 cây vú sữa bé: 42.000 đồng; 06 gốc đình lăng: 90.000 đồng; 03 cây gỗ sưa: 36.000.000 đồng.

- Theo biên bản định giá bổ sung ngày 09/4/2021 thì xác định tài sản trên đất gồm: 01 nH 02 tầng, tầng 1 đổ trần bê tông, tầng 2 lợp mái tôn, không có vệ sinh khép kín; Tầng 1 đổ bê tông: 7,1m x 9,6m x 95% x 3.780.000 đồng/m² x 35 % =

85.667.000 đồng; Tầng 2 lợp mái tôn (tính bằng nH cấp 4 loại 2): 7,1m x 9,6m x 2.430.000 đồng x 50% = 82.814.000 đồng; 01 nH đổ trần bê tông phía trong xây năm 2002 giáp hộ bà Bắc: 4,4m x 15,3m x 3.780.000 đồng/m² x 60% = 152.682.000 đồng; 01 mái tôn sân (giáp nH trần phía trong, làm năm 2002): 5,5m x 15,3m x 250.000 đồng/m² x 70% = 14.726.000 đồng; 01 sân gạch lá nem phía trong (giáp nH trần phía trong): 6,5m x 15,3m x 120.000 đồng/m² x 70% = 8.354.000 đồng; 01 mái tôn phía ngoài tiếp giáp Hnh Lg giao thông: 4,0m x 18,7m x 350.000 đồng/m² x 70% = 18.326.000 đồng; 01 sân gạch lá nem phía ngoài hiên giáp Hnh Lg giao thông: 04m x 18,7m x 120.000 đồng/m² x 70% = 6.283.000 đồng; 01 nH cấp 4 lợp mái tôn giáp nH 02 tầng phía ngoài: 4,4m x 15,3m = 67,32m² x 2.430.000 đồng/m² x 50% = 81.794.000 đồng.

Đối với các đương sự trong vụ án nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không ai có ý kiến và đề nghị xem xét chia các công trình tài sản, cây cối trên đất và các di sản khác của cụ THnh, cụ Kham. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì xem xét giải quyết tHnh vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các đương sự trong vụ án không ai đề nghị xem xét việc thA toán tiền mai táng phí và các yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

* Theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy nếu trong thời gian quản lý di sản, người quản lý giữ gìn, làm tăng giá trị của di sản như sửa chữa nH, bồi đắp nền đất, trồng cây chống xói mòn ... thì có thể tính công sức đối với họ. Trong vụ án này, vợ chồng ông N, bà H không yêu cầu xem xét thA toán công sức B quản, gìn giữ di sản đối với thửa đất trên. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 18/9/2021 là 6.500.000 đồng và ngày 09/4/2021 là 6.500.000 đồng. Tổng là 13.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận về phân chia di sản thừa kế theo pháp luật, bà T hưởng một kỷ phần di sản thừa kế nên bà T pH chịu 764.000 đồng, ông N pH chịu 8.416.000 đồng, ông T pH chịu 2.292.000 đồng, ông C, ông D mỗi người pH chịu 764.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[6] Về án phí: Bà T là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Ông N pH chịu án phí đối với kỷ phần được hưởng của ông, ông H, bà T, ông H, A T trong đó ông H, bà T là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Nên ông N pH chịu án phí về kỷ phần của ông, ông H, A T là (681.617.500 đồng (ông N) + 136.323.000 đồng (ông H) + 545.294.500 đồng (A T) = 1.620.015.881 đồng) là 36.000.000 đồng +3% của 798.395.881 đồng) = 36.000.000 đồng+ 23.951.000 đồng = 59.951.000 đồng. Ông T pH chịu án phí về kỷ phần của ông được hưởng 681.617.500 đồng là: 20.000.000 đồng + 4% của 281.617.500 đồng = 31.264.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 165; Điều 166; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 609; Điều 610; Điều 611; Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623; Điều 624, Điều 626; Điều 627; Điều 628, Điều 630; Điều 631; Điều 632; Điều 635; Điều 641, Điều 649, khoản 1 Điều 651; Điều 660 của Bộ luật dân sự.

Điều 166; Điều 167; Điều 179; Điều 195 của Luật đất đai;

Mục 1 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] .Về yêu cầu khởi kiện:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị T về yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của cụ THnh theo quy định của pháp luật.

1. 2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phùng Thị T về việc yêu cầu công nhận bản di chúc của cụ Kham lập ngày 13/11/2017 và ngày 01/3/2018 hợp pháp và chia di sản của cụ Kham theo bản di chúc này.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phùng Minh H về yêu cầu công nhận bản di chúc ngày 09/3/2017 hợp pháp và chia thừa kế theo bản di chúc này.

- Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỉ phần thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất giữa ông Phùng Minh H, bà Phùng Thị T, ông Phùng Bắc H, A Phùng Minh T và ông Phùng Minh N.

- Giao T bộ diện tích đất 990,3m² trong đó 360m² đất ở và 630,3 m² đất vườn tại thửa đất số 652, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố Cầu Thượng, thị trấn Nhã Nam, huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang cho ông Phùng Minh N quản lý, sử dụng. *(có trích sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo).*

- Ông Phùng Minh N có trách nhiệm trích chia kỷ phần thừa kế cho ông Phùng Minh T số tiền 681.617.500 đồng (Sáu trăm tám mươi một triệu sáu trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng) và bà Phùng Thị T; ông Phùng Minh C, ông Phùng Minh D mỗi người là 136.323.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu ba trăm hai ba nghìn đồng).

- Tạm giao cho ông Phùng Minh N quản lý 39,6m² diện tích đất nằm trong Hnh Lg giao thông nhưng hạn chế ông Phùng Minh N xây dựng công trình kiên cố trên đất.

- Ông Phùng Minh N có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số 652 tờ bản đồ 10 diện tích

hiện trạng theo kết quả đo đạc 1029,9m² trong đó 360m² đất ở và 630,3m² đất vườn và 39.6m² đất Hng Lg giao thông (có trích sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo).

[3]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Bà Phùng Thị T, ông Phùng Minh C, ông Phùng Minh D mỗi người pH chịu 764.000 đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; ông Phùng Minh N pH chịu 8.416.000 đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; ông Phùng Minh T pH chịu 2.292.000 đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản.

Xác nhận ông Phùng Minh N đã nộp 6.500.000 đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; bà T đã nộp 6.500.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông T pH hoàn trả cho bà T số tiền 2.292.000 đồng; ông C, ông D mỗi người pH hoàn trả cho bà T số tiền 764.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông N hoàn trả cho bà T số tiền 1.916.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án đối với khoản tiền được trả cho người được thi Hnh án cho đến khi thi Hnh án xong, tất cả các khoản tiền, Hng tháng bên pH thi Hnh án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi Hnh án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi Hnh án.

[4]. Về án phí: Bà Phùng Thị T, ông Phùng Minh C, ông Phùng Minh H, ông Phùng Minh D, bà Phùng Thị T được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Ông Phùng Minh N pH chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế được hưởng 59.951.000 đồng. Ông Phùng Minh T pH chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế được hưởng là 31.264.000 đồng. Hoàn trả bà Phùng Thị T số tiền 10.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2007/0002360 ngày 25/02/2019 tại Chi cục thi Hnh án dân sự huyện T Yên .

[5] Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người pH thi Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị V

‘

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T Yên;
- Chi cục THA dân sự huyện T Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị V

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị V

- Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
 - VKSND huyện T Yên;
 - Chi cục THA dân sự huyện T Yên;
 - Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị V

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị V